

Số: 25 /NQ-HĐND

Vĩnh Châu, ngày 31 tháng 10 năm 2024

NGHỊ QUYẾT

Về việc điều chỉnh dự toán kinh phí (vốn sự nghiệp) thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2024 trên địa bàn thị xã Vĩnh Châu

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THỊ XÃ VĨNH CHÂU
KHÓA XII, KỲ HỌP THỨ 15 (CHUYÊN ĐỀ)**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Thông tư số 55/2023/TT-BTC ngày 15 tháng 8 năm 2023 của Bộ Tài chính quy định quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 101/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Sóc Trăng về phân bổ vốn ngân sách nhà nước (vốn sự nghiệp) thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2024 trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng;

Căn cứ Quyết định số 3548/QĐ-UBND ngày 29 tháng 12 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng về việc giao dự toán kinh phí (vốn sự nghiệp) thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2024 trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng;

Căn cứ Quyết định số 1841/QĐ-UBND ngày 09 tháng 8 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng về việc điều chỉnh dự toán kinh phí (vốn sự nghiệp) thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2024 trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng;

Căn cứ Nghị quyết số 20/NQ-HĐND ngày 18 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân thị xã Vĩnh Châu về việc phân bổ vốn ngân sách Trung ương (vốn sự nghiệp) năm 2024 thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn thị xã Vĩnh Châu;

Căn cứ Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 18 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân thị xã Vĩnh Châu về việc dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn, chi ngân sách địa phương thị xã Vĩnh Châu năm 2024;

Qua xem xét Tờ trình số 138/TTr-UBND ngày 28 tháng 10 năm 2024 của Ủy ban nhân dân thị xã Vĩnh Châu về việc điều chỉnh dự toán kinh phí (vốn sự nghiệp) thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2024 trên địa bàn thị xã Vĩnh Châu; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Xã hội; ý kiến thảo luận của Đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thống nhất thông qua điều chỉnh dự toán kinh phí (vốn sự nghiệp) thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2024 trên địa bàn thị xã Vĩnh Châu, với tổng số tiền 8.865.400.000 đồng (bằng chữ: tám tỷ, tám trăm sáu mươi lăm triệu, bốn trăm ngàn đồng).

(Chi tiết theo phụ lục đính kèm)

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân thị xã Vĩnh Châu triển khai thực hiện Nghị quyết này theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân và Đại biểu Hội đồng nhân dân, thị xã Vĩnh Châu theo chức năng, nhiệm vụ thường xuyên giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân thị xã Vĩnh Châu khóa XII, kỳ họp thứ 15 (chuyên đề) nhất trí thông qua vào ngày 31 tháng 10 năm 2024 và có hiệu lực kể từ ngày thông qua./.

Nơi nhận:

- TT. HĐND-UBND tỉnh Sóc Trăng;
- Sở KH và ĐT, Sở Tài chính, tỉnh Sóc Trăng;
- TT. Thị ủy;
- TT. HĐND-UBND, UBMTTQ thị xã;
- Tổ đại biểu HĐND tỉnh;
- Đại biểu HĐND thị xã;
- Các cơ quan (Đảng - CQ - ĐT);
- TT. HĐND-UBND các xã, phường;
- Lưu: VT, NC.

CHỦ TỊCH

Trà Khol

Phụ lục

(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày tháng năm 2024 của Hội đồng nhân dân thị xã Vĩnh Châu)

ĐVT: đồng

STT	Tên đơn vị	Dự toán được phân bổ	Trong đó		Điều chỉnh tăng (+), giảm (-) dự toán		Dự toán sau điều chỉnh	Trong đó		Chương- Loại khoản, tính chất nguồn kinh phí
			Ngân sách Trung ương tại Nghị quyết số 20/NQ-HĐND ngày 18 tháng 12 năm 2023	Ngân sách thị xã (đối ứng 10%) Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 18 tháng 12 năm 2023	Ngân sách trung ương	Ngân sách địa phương		Ngân sách Trung ương	Ngân sách địa phương	
Tổng cộng		8.166.400.000	7.424.000.000	742.400.000	699.000.000	-	8.865.400.000	8.123.000.000	742.400.000	
I	Dự án 2: Đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo (Mã CTMT: 0472)	3.472.700.000	3.157.000.000	315.700.000		-	3.472.700.000	3.157.000.000	315.700.000	
-	UBND Phường 1	374.000.000	340.000.000	34.000.000			374.000.000	340.000.000	34.000.000	
-	UBND Phường 2	427.900.000	389.000.000	38.900.000			427.900.000	389.000.000	38.900.000	
-	UBND phường Khánh Hòa	427.900.000	389.000.000	38.900.000			427.900.000	389.000.000	38.900.000	
-	UBND phường Vĩnh Phước	267.300.000	243.000.000	24.300.000			267.300.000	243.000.000	24.300.000	
-	UBND xã Vĩnh Hải	320.100.000	291.000.000	29.100.000			320.100.000	291.000.000	29.100.000	
-	UBND xã Vĩnh Hiệp	320.100.000	291.000.000	29.100.000			320.100.000	291.000.000	29.100.000	
-	UBND xã Lai Hòa	374.000.000	340.000.000	34.000.000			374.000.000	340.000.000	34.000.000	
-	UBND xã Vĩnh Tân	374.000.000	340.000.000	34.000.000			374.000.000	340.000.000	34.000.000	
-	UBND xã Lạc Hòa	320.100.000	291.000.000	29.100.000			320.100.000	291.000.000	29.100.000	
-	UBND xã Hòa Đông	267.300.000	243.000.000	24.300.000			267.300.000	243.000.000	24.300.000	
II	Dự án 3: Hỗ trợ phát triển sản xuất, cải thiện dinh dưỡng (Mã CTMT: 0473)	1.732.500.000	1.575.000.000	157.500.000	699.000.000	-	2.431.500.000	2.274.000.000	157.500.000	

STT	Tên đơn vị	Dự toán được phân bổ	Trong đó		Điều chỉnh tăng (+), giảm (-) dự toán		Dự toán sau điều chỉnh	Trong đó		Chương- Loại khoản, tính chất nguồn kinh phí
			Ngân sách Trung ương tại Nghị quyết số 20/NQ-HĐND ngày 18 tháng 12 năm 2023	Ngân sách thị xã (đối ứng 10%) Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 18 tháng 12 năm 2023	Ngân sách trung ương	Ngân sách địa phương		Ngân sách Trung ương	Ngân sách địa phương	
1	Tiểu dự án 1: Hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp	1.406.900.000	1.279.000.000	127.900.000	699.000.000	-	2.105.900.000	1.978.000.000	127.900.000	
	UBND Phường 1	151.800.000	138.000.000	13.800.000			151.800.000	138.000.000	13.800.000	
	UBND Phường 2	172.700.000	157.000.000	15.700.000			172.700.000	157.000.000	15.700.000	
	UBND phường Khánh Hòa	172.700.000	157.000.000	15.700.000	220.000.000		392.700.000	377.000.000	15.700.000	
	UBND phường Vĩnh Phước	108.350.000	98.500.000	9.850.000	220.000.000		328.350.000	318.500.000	9.850.000	
	UBND xã Vĩnh Hải	129.800.000	118.000.000	11.800.000			129.800.000	118.000.000	11.800.000	
	UBND xã Vĩnh Hiệp	129.800.000	118.000.000	11.800.000			129.800.000	118.000.000	11.800.000	
	UBND xã Lai Hòa	151.800.000	138.000.000	13.800.000			151.800.000	138.000.000	13.800.000	
	UBND xã Vĩnh Tân	151.800.000	138.000.000	13.800.000			151.800.000	138.000.000	13.800.000	
	UBND xã Lạc Hòa	129.800.000	118.000.000	11.800.000			129.800.000	118.000.000	11.800.000	
	UBND xã Hòa Đông	108.350.000	98.500.000	9.850.000	259.000.000		367.350.000	357.500.000	9.850.000	
2	Tiểu dự án 2: Cải thiện dinh dưỡng	325.600.000	296.000.000	29.600.000			325.600.000	296.000.000	29.600.000	
-	Trung tâm Y tế	325.600.000	296.000.000	29.600.000			325.600.000	296.000.000	29.600.000	799-139;12
III	Dự án 4: Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững (Mã CTMT: 0474)	1.819.400.000	1.654.000.000	165.400.000			1.819.400.000	1.654.000.000	165.400.000	
1	Tiểu dự án 1: Phát triển giáo dục nghề nghiệp vùng nghèo, vùng khó khăn	1.117.600.000	1.016.000.000	101.600.000			1.117.600.000	1.016.000.000	101.600.000	
-	Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội	1.117.600.000	1.016.000.000	101.600.000			1.117.600.000	1.016.000.000	101.600.000	624-098;12

STT	Tên đơn vị	Dự toán được phân bổ	Trong đó		Điều chỉnh tăng (+), giảm (-) dự toán		Dự toán sau điều chỉnh	Trong đó		Chương- Loại khoản, tính chất nguồn kinh phí
			Ngân sách Trung ương tại Nghị quyết số 20/NQ-HĐND ngày 18 tháng 12 năm 2023	Ngân sách thị xã (đổi ứng 10%) Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 18 tháng 12 năm 2023	Ngân sách trung ương	Ngân sách địa phương		Ngân sách Trung ương	Ngân sách địa phương	
2	Tiểu dự án 3: Hỗ trợ việc làm bền vững	701.800.000	638.000.000	63.800.000			701.800.000	638.000.000	63.800.000	
-	Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội	701.800.000	638.000.000	63.800.000			701.800.000	638.000.000	63.800.000	624-341;12
IV	Dự án 6: Truyền thông và giảm nghèo về thông tin (Mã CTMT: 0476)	331.100.000	301.000.000	30.100.000			331.100.000	301.000.000	30.100.000	
1	Tiểu dự án 1: Giảm nghèo về thông tin	169.400.000	154.000.000	15.400.000			169.400.000	154.000.000	15.400.000	
-	Phòng Văn hóa và Thông tin	169.400.000	154.000.000	15.400.000			169.400.000	154.000.000	15.400.000	625-341;12
2	Tiểu dự án 2: Truyền thông về giảm nghèo	161.700.000	147.000.000	14.700.000			161.700.000	147.000.000	14.700.000	
-	Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội	161.700.000	147.000.000	14.700.000			161.700.000	147.000.000	14.700.000	624-341;12
V	Dự án 7. Nâng cao năng lực và giám sát đánh giá chương trình (Mã CTMT: 0477)	810.700.000	737.000.000	73.700.000			810.700.000	737.000.000	73.700.000	
1	Tiểu dự án 1: Nâng cao năng lực thực hiện Chương trình	468.600.000	426.000.000	42.600.000			468.600.000	426.000.000	42.600.000	
-	Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội	468.600.000	426.000.000	42.600.000			468.600.000	426.000.000	42.600.000	624-341;12
2	Tiểu dự án 2: Giám sát, đánh giá	342.100.000	311.000.000	31.100.000			342.100.000	311.000.000	31.100.000	
-	Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội	342.100.000	311.000.000	31.100.000			342.100.000	311.000.000	31.100.000	624-341;12

Ghi chú: ngân sách thị xã đã đổi ứng 10% theo quy định.